



★ ĐỀ KIỂM TRA CHƯƠNG I — SỐ 2

Thời gian: 45 phút — Thang điểm 10

Họ và tên: Lớp:

Mức độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
Tỉ lệ điểm	40% (4,0đ)	30% (3,0đ)	20% (2,0đ)	10% (1,0đ)

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (12 câu $\times$ 0,25đ = 3,0 điểm)

Câu 1. Trong các câu sau, câu nào *không* là mệnh đề?

- A) 17 là số nguyên tố.
- B) Hôm nay trời mưa.
- C) Bạn bao nhiêu tuổi?
- D) $5 > 3$.

Câu 2. Phủ định của mệnh đề “ $\exists x \in \mathbb{R}, x^2 = 5$ ” là

- A) $\forall x \in \mathbb{R}, x^2 \neq 5$.
- B) $\forall x \in \mathbb{R}, x^2 = 5$.
- C) $\exists x \in \mathbb{R}, x^2 \neq 5$.
- D) $\forall x \in \mathbb{R}, x^2 > 5$.

Câu 3. Cho $A = \{x \in \mathbb{Z} \mid |x| \leq 2\}$. Khi đó tập A là

- A) $\{-2; -1; 0; 1; 2\}$.
- B) $\{0; 1; 2\}$.
- C) $\{-2; 2\}$.
- D) $\{1; 2\}$.

Câu 4. Tập $\{x \in \mathbb{R} \mid x > 3\}$ được viết là

- A) $(3; +\infty)$.
- B) $[3; +\infty)$.
- C) $(-\infty; 3)$.
- D) $[3; +\infty]$.

Câu 5. Cho $A = \{1; 3; 5; 7\}$, $B = \{3; 5; 9\}$. Tập $A \cap B$ là

- A) $\{3; 5\}$.
- B) $\{1; 7\}$.
- C) $\{3; 5; 9\}$.
- D) $\{1; 3; 5; 7; 9\}$.

Câu 6. Cho $A = (0; 4)$, $B = (2; 6)$. Tập $A \cup B$ là

- A) $(0; 6)$.
- B) $(2; 4)$.
- C) $(0; 2)$.
- D) $(4; 6)$.

Câu 7. Cho $A = [-3; 5)$, $B = (0; +\infty)$. Tập $A \setminus B$ là

- A) $[-3; 0]$.



$[-3; 0)$.

C) $(0; 5)$.

D) $[-3; 5)$.

Câu 8. Cho $A = (-\infty; -1)$. Tập $C_{\mathbb{R}}A$ là

A) $[-1; +\infty)$.

B) $(-1; +\infty)$.

C) $(-\infty; -1]$.

D) $(-\infty; 1)$.

Câu 9. Tập $\{1; 2; 3\}$ có tất cả bao nhiêu tập con?

A) 8.

B) 6.

C) 4.

D) 3.

Câu 10. Trong các mệnh đề sau, mệnh đề nào *sai*?

A) $\forall x \in \mathbb{R}, x^2 + 1 \geq 1$.

B) $\exists x \in \mathbb{R}, x^2 = 3$.

C) $\forall x \in \mathbb{R}, x^2 > 0$.

D) $\exists n \in \mathbb{N}, n^2 = n$.

Câu 11. Cho $A = \{x \in \mathbb{R} \mid x^2 - x - 6 = 0\}$, $B = \{x \in \mathbb{R} \mid x^2 - 9 = 0\}$. Tập $A \cap B$ là

A) $\{3\}$.

B) $\{-2; 3\}$.

C) $\{-3; 3\}$.

D) $\{-2; -3; 3\}$.

Câu 12. Lớp có 45 học sinh: 30 em chơi cầu lông, 25 em chơi bóng bàn, 15 em chơi cả hai môn. Số em chơi ít nhất một trong hai môn là

A) 40.

B) 55.

C) 45.

D) 35.

PHẦN II. ĐÚNG/SAI (3 câu $\times$ 1,0đ = 3,0 điểm)

Câu 1. Xét tính đúng, sai của mỗi mệnh đề:

a) $\exists x \in \mathbb{R}, x^2 + x = 0$. b) $\forall x \in \mathbb{R}, x^2 - 2x + 1 \geq 0$. c) Phủ định của " $\exists x \in \mathbb{R}, x < 0$ " là " $\forall x \in \mathbb{R}, x \geq 0$ ". d) $\forall x \in \mathbb{R}, x^2 > x$.

Câu 2. Cho $A = \{1; 2; 3; 6\}$, $B = \{2; 4; 6\}$. Xét tính đúng, sai:

a) $A \cap B = \{2; 6\}$. b) $A \cup B = \{1; 2; 3; 4; 6\}$. c) $A \setminus B = \{1; 3\}$. d) $B \setminus A = \{4; 8\}$.

Câu 3. Cho $A = [-2; 3)$, $B = (0; 5]$. Xét tính đúng, sai:

a) $A \cap B = (0; 3)$. b) $A \cup B = [-2; 5]$. c) $A \setminus B = [-2; 0]$. d) $C_{\mathbb{R}}A = (-\infty; -2) \cup [3; +\infty)$.

PHẦN III. TRẢ LỜI NGẮN (4 câu $\times$ 1,0đ = 4,0 điểm)

Câu 1. Cho $A = \{x \in \mathbb{Z} \mid -2 \leq x < 3\}$. Tập A có bao nhiêu phần tử?

Câu 2. Cho $A = \{x \in \mathbb{N} \mid x \text{ là ước của } 12\}$. Tập A có bao nhiêu tập con gồm đúng 2 phần tử?



3. Một trường có 120 học sinh: 70 em thích âm nhạc, 50 em thích hội họa, 25 em thích cả hai. Có bao nhiêu em không thích môn nào trong hai môn đó?

Câu 4. Cho $A = [m - 1; m + 2]$, $B = [0; 5]$. Có bao nhiêu giá trị nguyên của m để $A \subset B$?